

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5 - 2025

Về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiến.

2. Bà Phan Thị Thanh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ L, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường T, khu phố B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau khoảng 06 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại

UBND phường T (nay là phường P), thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2018 ngày 18/01/2018.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại nhà riêng tại phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình sống chung, vợ chồng vẫn hạnh phúc. Từ năm 2021, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T ham mê cờ bạc, gây nợ nần, nhiều lần bà phải đứng ra trả nợ. Bà đã khuyên răn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng bà không còn sống chung với nhau. Bà đã về nhà mẹ đẻ tại thôn L, xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định sống từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Hữu T có 01 con chung tên Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 17/3/2019. Hiện nay, cháu Q đang ở với bà tại Bình Định. Khi ly hôn, bà có yêu cầu được nuôi cháu Q và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con 18 tuổi. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung nhưng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Nguyễn Hữu T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Hữu T có địa chỉ cư trú ở

phường P, thành phố P - T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Hữu T nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường T (nay là phường P) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/2018, ngày 18/01/2018, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị Mỹ L trình bày: Quá trình sống chung, vợ chồng vẫn hạnh phúc. Từ năm 2021, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T ham mê cờ bạc, gây nợ nần, nhiều lần bà phải đứng ra trả nợ. Bà đã khuyên răn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng bà không còn sống chung với nhau. Bà đã về nhà mẹ đẻ tại thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định sống từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2025, bà Nguyễn Thị Lệ T1 (mẹ ruột ông Nguyễn Hữu T) cho biết: Tại thời điểm xác minh, vợ chồng ông T bà L không còn sống chung với nhau, bà L bỏ đi từ đầu năm 2025. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do ông T khó khăn về tài chính. Ông T biết việc bà L khởi kiện xin ly hôn ông nhưng do đi làm ăn xa nên ông không về làm việc với Tòa án được, ông T chấp nhận ly hôn với bà L.

Đối với ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông T biết việc bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không đến Tòa án để làm việc, có thái độ bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 17/3/2019. Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà L thấy rằng: Từ khi bà L và ông T không sống chung đến nay, cháu Q do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định. Bà L có nghề nghiệp, thu nhập ổn định có khả năng để nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Trúc Q cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2025, bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu nuôi con chung nhưng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét ý kiến của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đỗ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao cho bà Đỗ Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 17/3/2019

Ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005091 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận (*Bà Đỗ Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm*).

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường Phú Hà;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Dung

